

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>	7 - 8
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động riêng</i>	9
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng</i>	10
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng</i>	11 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 3 trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Lilama 3 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng số 3 thuộc Tổng công ty lắp máy Việt Nam theo quyết định số 449/QĐ-BXD ngày 16/3/2006 của Bộ trưởng Bộ xây dựng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 180300048 ngày 22/6/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 số 2600104526 ngày 29/5/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 86 đường Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 51.500.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 5.150.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600104526 ngày 29/5/2019 ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Thi công, xây dựng các công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, dân dụng, giao thông, công trình thủy lợi, các công trình quốc phòng, đường điện và trạm biến thế;
- Khảo sát, thiết kế tư vấn xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Khảo sát thiết kế hệ thống thông tin liên lạc; tư vấn thiết kế công nghiệp các công trình sản xuất: vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- Thiết kế, đóng mới tàu thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện vận tải thủy đến 1000 tấn, sửa chữa thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện đường thủy;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà, bất động sản;
- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Thi công xây dựng: san ủi mặt bằng, thi công nền móng đường bộ;
- Lắp ráp thiết bị, máy móc cho các công trình; cung cấp, lắp đặt và bảo trì thang máy;
- Chế tạo và lắp đặt: thiết bị nâng, dầm cầu trục đến 30 tấn, nồi hơi, ống áp lực và thiết bị chịu áp lực;
- Kinh doanh thương mại tổng hợp, nguyên vật liệu giấy, khí hóa lỏng và các chất đốt các loại;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ;

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2020 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Lưu Văn Kính	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Thuyết	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Tiến Thành	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Phạm Công Hoan	Thành viên hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm

Ông Nguyễn Tiến Thành	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tăng Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Phong	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban kiểm soát bao gồm

Ông Phạm Xuân Rạng	Trưởng ban
Ông Trần Huy Long	Thành viên
Ông Hoàng Mạnh Quảng	Thành viên

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Tiến Thành, chức vụ Tổng Giám đốc.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiên Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Số: 019/2021/BCKTR-PB.00407



Accountants &
business advisers

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Lilama 3

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 3 (sau đây gọi là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2021, từ trang 7 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2020, Công ty đang trích lập thiếu dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền là 4.110.000.000 đồng. Nếu thực hiện trích lập dự phòng bổ sung nợ phải thu khó đòi sẽ làm cho các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh gồm “Chi phí quản lý doanh nghiệp” tăng lên, “Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” giảm đi số tiền là 4.110.000.000 đồng. Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán gồm: “Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi” tăng lên và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” giảm đi số tiền là 4.110.000.000 đồng.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được các thư xác nhận của các khoản công nợ phải thu khách hàng với giá trị khoảng 46 tỷ đồng, công nợ phải thu ngắn hạn khác (tạm ứng) với giá trị khoảng 5 tỷ đồng, các khoản công nợ phải trả người bán ngắn hạn với giá trị khoảng 23 tỷ đồng. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả nêu trên. Do vậy, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với số dư công nợ phải thu và các khoản công nợ phải trả nêu trên tại ngày 31/12/2020 cũng như việc ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2020.

Trong năm 2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục lỗ với số tiền là (144.218.276.933) đồng, khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2020 là (542.302.987.574) đồng, vượt quá vốn chủ sở hữu là (469.145.559.225) đồng. Bên cạnh đó, các khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt so với tài sản ngắn hạn với giá trị là 479.901.370.974 đồng. Các dấu hiệu trên cho thấy khả năng hoạt động liên tục của Công ty tùy thuộc vào việc đầu tư tiếp tục của các Cổ đông và việc giãn yêu cầu thanh toán của các chủ nợ. Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Chúng tôi chưa thu thập được bằng chứng nào liên quan đến vấn đề nêu trên do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác và phát hành Báo cáo kiểm toán độc lập số 135A/BCKT/TC ngày 09/4/2020, theo đó Kiểm toán viên đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc: Trích lập thiếu dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền là 4.110.000.000 đồng; Không xác định được giá trị tổn thất có thể phát sinh liên quan đến tổn thất của dự án nhà máy đóng tàu Bạch Bạc; Chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả và khả năng hoạt động liên tục của Công ty.



Giấy CNĐKHNKT số 0855-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

PHẠM TUẤN VŨ

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNKT số 2030-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		109.650.074.156	119.434.212.791
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	223.624.766	75.121.027
1. Tiền	111		223.624.766	75.121.027
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		86.592.216.708	83.812.715.739
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	100.395.770.121	96.490.466.169
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.329.848.214	5.952.129.873
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	28.996.545.662	30.549.427.263
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(49.687.823.238)	(49.737.183.515)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.5	557.875.949	557.875.949
IV. Hàng tồn kho	140		22.550.170.039	35.262.313.382
1. Hàng tồn kho	141	5.6	22.550.170.039	35.262.313.382
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		284.062.643	284.062.643
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		284.062.643	284.062.643
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.755.811.749	219.681.432.016
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.569.760.039	94.245.606.823
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	5.569.760.039	94.245.606.823
- Nguyên giá	222		37.132.085.520	176.786.864.299
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.562.325.481)	(82.541.257.476)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		41.620.000	41.620.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(41.620.000)	(41.620.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	1.078.651.598	122.504.206.520
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.078.651.598	122.504.206.520
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	1.213.254.766	1.472.994.532
1. Đầu tư vào công ty con	251		17.929.000.000	17.929.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(16.715.745.234)	(16.456.005.468)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.894.145.346	1.458.624.141
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	2.894.145.346	1.458.624.141
TỔNG TÀI SẢN	270		120.405.885.905	339.115.644.807

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		589.551.445.130	664.042.927.099
I. Nợ ngắn hạn	310		589.551.445.130	664.042.927.099
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	74.914.625.459	81.638.468.346
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.473.835.603	7.770.159.402
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	11.653.139.358	11.288.785.316
4. Phải trả người lao động	314		5.277.692.037	7.702.590.679
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	15.257.122.811	10.382.195.843
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	65.876.947.640	64.971.803.166
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	407.077.822.487	480.268.664.612
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		20.259.735	20.259.735
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(469.145.559.225)	(324.927.282.292)
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	(469.145.559.225)	(324.927.282.292)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		51.500.000.000	51.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		51.500.000.000	51.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.250.000.000	14.250.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.173.239.116	7.173.239.116
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		234.189.233	234.189.233
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(542.302.987.574)	(398.084.710.641)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(398.084.710.641)	(359.694.595.446)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(144.218.276.933)	(38.390.115.195)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		120.405.885.905	339.115.644.807



Nguyễn Tiên Thành
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Đức Thịnh
 Kế toán trưởng

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	73.400.705.123	110.105.258.555
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		73.400.705.123	110.105.258.555
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	73.323.459.706	106.528.599.269
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		77.245.417	3.576.659.286
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.583.583	1.212.897.022
7. Chi phí tài chính	22	6.4	18.032.401.183	25.981.723.818
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		17.772.661.417	21.239.262.825
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		7.537.392.382	13.673.441.082
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(25.490.964.565)	(34.865.608.592)
11. Thu nhập khác	31	6.5	767.113.109	1.313.975.950
12. Chi phí khác	32	6.6	119.494.425.477	4.838.482.553
13. Lợi nhuận khác	40		(118.727.312.368)	(3.524.506.603)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(144.218.276.933)	(38.390.115.195)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(144.218.276.933)	(38.390.115.195)



Nguyễn Tiên Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Đức Thịnh
Kế toán trưởng

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Theo PP gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(144.218.276.933)	(38.390.115.195)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.401.872.441	7.857.767.292
- Các khoản dự phòng	03		210.379.489	12.000.413.419
- (Lãi) hoạt động đầu tư	05		114.800.849.682	(253.619.988)
- Chi phí lãi vay	06		17.772.661.417	21.239.262.825
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(7.032.513.904)	2.453.708.353
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.730.140.692)	15.306.477.679
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		12.712.143.343	4.822.736.380
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(16.485.371.415)	(23.190.768.111)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.435.521.205)	447.952.633
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.587.929.846)	(2.967.377.945)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17.559.333.719)	(3.127.271.011)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1.711.781.818)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		90.897.096.000	250.681.818
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(2.280.000.000)
4. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.583.583	2.938.170
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		90.898.679.583	(3.738.161.830)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		61.868.974.614	60.109.576.313
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(135.059.816.739)	(54.950.447.804)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(73.190.842.125)	5.159.128.509
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		148.503.739	(1.706.304.332)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	75.121.027	1.781.425.359
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	223.624.766	75.121.027



Nguyễn Tiên Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Đức Thịnh
Kế toán trưởng

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Lilama 3 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng số 3 thuộc Tổng công ty lắp máy Việt Nam theo quyết định số 449/QĐ-BXD ngày 16/3/2006 của Bộ trưởng Bộ xây dựng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 180300048 ngày 22/6/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 số 2600104526 ngày 29/5/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 86 đường Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 51.500.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 5.150.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Thi công, xây dựng các công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, dân dụng, giao thông, công trình thủy lợi, các công trình quốc phòng, đường điện và trạm biến thế;
- Khảo sát, thiết kế tư vấn xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Khảo sát thiết kế hệ thống thông tin liên lạc; tư vấn thiết kế công nghiệp các công trình sản xuất: vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- Thiết kế, đóng mới tàu thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện vận tải thủy đến 1000 tấn, sửa chữa thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện đường thủy;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà, bất động sản;
- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Thi công xây dựng: san ủi mặt bằng, thi công nền móng đường bộ;
- Lắp ráp thiết bị, máy móc cho các công trình; cung cấp, lắp đặt và bảo trì thang máy;
- Chế tạo và lắp đặt: thiết bị nâng, dầm cầu trục đến 30 tấn, nồi hơi, ống áp lực và thiết bị chịu áp lực;
- Kinh doanh thương mại tổng hợp, nguyên vật liệu giấy, khí hóa lỏng và các chất đốt các loại; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ;

1.3 Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 31/12/2020, công ty có 4 công ty con và 2 đơn vị trực thuộc, cụ thể:

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>
Công ty cổ phần Lilama 3.3	Lô 24-25 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	79,48%
Công ty cổ phần Lilama 3.4	Số 927 Hùng Vương, tp. Việt Trì, Phú Thọ	59,36%
Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo	Lô 24-25 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	51%
Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long	Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	72%
Xí nghiệp Lilama 3.1	Cụm CN Bạch Hạc, tp. Việt Trì, Phú Thọ	Chi nhánh
Trung tâm tư vấn thiết kế	Lô 24-25 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	Chi nhánh

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

4.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4.6 Tài sản cố định và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

4.8 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

4.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay phát sinh tại Công ty bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay phát sinh trong năm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng cho mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

4.11 Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

4.12 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.13 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	30.477.093	6.880.432
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	193.147.673	68.240.595
Cộng	223.624.766	75.121.027

5.2 Phải thu khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên không liên quan	94.246.211.281	90.234.202.862
- Công ty Cổ Phần TCE Vina DENIM	19.276.000.000	19.276.000.000
- Tổng công ty Lắp Máy Việt Nam	11.727.140.689	16.863.299.347
- Công ty CRI - CT Nhiệt Điện Nghi Sơn 2	9.788.050.031	3.759.978.753
- Khách hàng khác	53.455.020.561	50.334.924.762
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	6.149.558.840	6.256.263.307
- Công ty cổ phần Xây Dựng số 8 Thăng Long	4.110.000.000	4.110.000.000
- Công ty Cổ Phần LILAMA3.3	2.039.558.840	2.146.263.307
Cộng	100.395.770.121	96.490.466.169

5.3 Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	28.996.545.662	(7.892.648.559)	30.549.427.263	(7.942.008.836)
Phải thu về cổ phần hóa ngắn hạn	84.203	-	84.203	-
Phải thu khác	22.084.049.965	(3.521.925.754)	24.132.498.544	(3.559.356.045)
Tạm ứng	6.912.411.494	(4.370.722.805)	6.416.844.516	(4.382.652.791)
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	28.996.545.662	(7.892.648.559)	30.549.427.263	(7.942.008.836)

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.4 Nợ xấu

	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a. Phải thu khách hàng	39.939.295.280	(39.900.265.097)	39.939.295.280	(39.900.265.097)
- Công ty cổ phần Lisemco	7.166.882.001	(7.166.882.001)	7.166.882.001	(7.166.882.001)
- Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO)	4.206.430.034	(4.206.430.034)	4.206.430.034	(4.206.430.034)
- Công ty Cổ phần Giấy Bãi Bằng	5.283.708.000	(5.283.708.000)	5.283.708.000	(5.283.708.000)
- BQLDA Nhà máy bột giấy Phương Nam (Tcty giấy VN)	2.663.068.439	(2.663.068.439)	2.663.068.439	(2.663.068.439)
- Công ty TNHH KC COTTRELL Việt Nam	2.483.932.675	(2.483.932.675)	2.483.932.675	(2.483.932.675)
- Công ty Cổ phần Chế tạo máy - TKV	1.915.071.667	(1.915.071.667)	1.915.071.667	(1.915.071.667)
- Cty Cổ phần LILAMA5	1.841.160.504	(1.841.160.504)	1.841.160.504	(1.841.160.504)
- Công ty TNHH MTV Phiabjooc	1.455.082.688	(1.455.082.688)	1.455.082.688	(1.455.082.688)
- Công ty Cổ phần LILAMA Thí nghiệm cơ điện	1.240.824.355	(1.240.824.355)	1.240.824.355	(1.240.824.355)
- Công ty Cổ phần Đá trắng Yên Bình	1.027.882.745	(1.027.882.745)	1.027.882.745	(1.027.882.745)
- Đối tượng khác	10.655.252.172	(10.616.221.989)	10.655.252.172	(10.616.221.989)
b. Phải thu khác	7.892.648.559	(7.892.648.559)	8.229.348.636	(7.942.008.836)
- Tạm ứng nhân viên	4.370.722.805	(4.370.722.805)	4.412.652.791	(4.382.652.791)
- Đối tượng khác	3.521.925.754	(3.521.925.754)	3.816.695.845	(3.559.356.045)
b. Trả trước cho người bán	1.894.909.582	(1.894.909.582)	1.894.909.582	(1.894.909.582)
- Công ty cổ phần Ngọc Việt Linh	868.188.137	(868.188.137)	868.188.137	(868.188.137)
- Đối tượng khác	1.026.721.445	(1.026.721.445)	1.026.721.445	(1.026.721.445)
Cộng	49.726.853.421	(49.687.823.238)	50.063.553.498	(49.737.183.515)

5.5 Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Tài sản khác		557.875.949		557.875.949
Cộng	-	557.875.949	-	557.875.949

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.6 Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.749.110.713	-	1.650.922.415	-
Công cụ, dụng cụ	1.338.538	-	19.023.447	-
Chi phí SXKD dở dang	20.799.720.788	-	33.592.367.520	-
Cộng	22.550.170.039	-	35.262.313.382	-

5.7 Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	2.894.145.346	1.458.624.141
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	2.894.145.346	418.881.849
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	-	1.039.742.292
- Các khoản khác	-	-
Cộng	2.894.145.346	1.458.624.141

5.6 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	Quyền sử dụng đất	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	-	41.620.000	41.620.000
- Mua trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	41.620.000	41.620.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số đầu năm	-	41.620.000	41.620.000
- Khấu hao trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	41.620.000	41.620.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3
 Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.9 Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	88.362.687.915	72.778.825.753	14.703.068.161	942.282.470	-	176.786.864.299
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán (*)	(87.902.087.408)	(50.528.177.770)	(756.156.130)	(468.357.471)	-	(139.654.778.779)
Số cuối năm	<u>460.600.507</u>	<u>22.250.647.983</u>	<u>13.946.912.031</u>	<u>473.924.999</u>	-	<u>37.132.085.520</u>
HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm	25.566.033.383	42.616.900.324	13.425.305.186	933.018.583	-	82.541.257.476
- Khấu hao trong năm	1.737.708.367	2.512.848.322	142.051.863	9.263.887	-	4.401.872.439
- Thanh lý, nhượng bán (*)	(26.843.141.243)	(27.313.149.590)	(756.156.130)	(468.357.471)	-	(55.380.804.434)
Số cuối năm	<u>460.600.507</u>	<u>17.816.599.056</u>	<u>12.811.200.919</u>	<u>473.924.999</u>	-	<u>31.562.325.481</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số đầu năm	62.796.654.532	30.161.925.429	1.277.762.975	9.263.887	-	94.245.606.823
Số cuối năm	-	4.434.048.927	1.135.711.112	-	-	5.569.760.039

(*) Thanh lý tài sản theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22/6/2020 và hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 0608/HĐMB-ĐG ngày 04/9/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.10 Tài sản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-
Nhà máy đóng tàu Bạch Hạc (*)	-	121.600.423.358
Xưởng sản xuất bột giấy Yên Lập	577.910.298	577.910.298
Hạ tầng khu C	500.741.300	325.872.864
Cộng	<u>1.078.651.598</u>	<u>122.504.206.520</u>

(*) Thanh lý tài sản theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22/6/2020 và hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 0608/HĐMB-ĐG ngày 04/9/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	17.929.000.000	1.213.254.766	(16.715.745.234)	17.929.000.000
- Công ty cổ phần Lilama 3.3	4.845.000.000	-	(4.845.000.000)	-
- Công ty cổ phần Lilama 3.4	2.990.000.000	-	(2.990.000.000)	-
- Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo	5.814.000.000	1.213.254.766	(4.600.745.234)	5.814.000.000
- Công ty cổ phần xây dựng số 8 Tháng Long	4.280.000.000	-	(4.280.000.000)	-
Cộng	17.929.000.000	1.213.254.766	(16.715.745.234)	17.929.000.000

5.12 Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	74.914.625.459	74.914.625.459	81.638.468.346	81.638.468.346
- Công ty CP Thép Tân Hưng	11.032.855.207	11.032.855.207	11.132.855.207	11.132.855.207
- Công ty TNHH Công nghiệp OKWON(Liên danh CT Dệt)	19.773.908.747	19.773.908.747	19.773.908.747	19.773.908.747
- Phải trả khác	44.107.861.505	44.107.861.505	50.731.704.392	50.731.704.392
b. Các khoản phải trả người bán là bên liên quan	3.552.473.664	3.552.473.664	3.628.473.664	3.628.473.664
- Công ty Cổ Phần LILAMA3.4	1.780.352.518	1.780.352.518	1.756.352.518	1.756.352.518
- Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo	1.772.121.146	1.772.121.146	1.872.121.146	1.872.121.146
Cộng	74.914.625.459	74.914.625.459	81.638.468.346	81.638.468.346

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
a. Thuế và các khoản phải nộp	11.288.785.316	4.740.043.212	4.375.689.170	11.653.139.358
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	8.873.799.421	3.826.446.725	2.537.588.838	10.162.657.308
- Thuế thu nhập cá nhân	972.410.034	253.164.710	-	1.225.574.744
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	34.249.731	-	-	34.249.731
- Các loại thuế khác	1.408.326.130	660.431.777	1.838.100.332	230.657.575
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	11.288.785.316	4.740.043.212	4.375.689.170	11.653.139.358

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.14 Chi phí phải trả

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	15.257.122.811	10.382.195.843
- Trích trước chi phí công trình	7.432.824.199	5.573.598.273
- Trích trước thuê cơ sở hạ tầng	5.122.267.697	4.794.994.970
- Trích trước chi phí tiền lương	-	13.602.600
- Trích trước chi phí khác	2.702.030.915	-
b. Dài hạn	-	-
Cộng	15.257.122.811	10.382.195.843

5.15 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	65.876.947.640	64.971.803.166
- Kinh phí công đoàn	1.430.203.479	1.517.300.536
- Bảo hiểm xã hội	31.444.725.994	28.785.036.940
- Bảo hiểm y tế	2.379.865.784	1.958.320.605
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.599.997.656	2.412.455.291
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	28.022.154.727	30.298.689.794
+ Đoàn phí công đoàn	939.596.569	931.286.763
+ Phải trả các tổ đội thi công	15.712.733.598	15.788.029.902
+ Phải trả đối tượng khác	11.369.824.560	13.579.373.129
b. Dài hạn	-	-
Cộng	65.876.947.640	64.971.803.166

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

TT	Nội dung	Giá trị	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
			Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Tăng	Giảm	Số có khả năng trả nợ	Giá trị
a)	Vay ngắn hạn	407.077.822.487	407.077.822.487	61.868.974.614	135.059.816.739	480.268.664.612	480.268.664.612	
-	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Ba Đình ⁽¹⁾	28.994.375.993	28.994.375.993	39.633.220.204	40.574.016.739	29.935.172.528	29.935.172.528	
-	Vay cá nhân	3.736.000.000	3.736.000.000	7.320.000.000	4.280.000.000	696.000.000	696.000.000	
-	Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Tokyo	1.450.000.000	1.450.000.000		50.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	
-	Nợ dài hạn đến hạn trả - Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam ⁽²⁾	372.897.446.494	372.897.446.494	14.915.754.410	90.155.800.000	448.137.492.084	448.137.492.084	
	Cộng	407.077.822.487	407.077.822.487	61.868.974.614	135.059.816.739	480.268.664.612	480.268.664.612	

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP BIDV - chi nhánh Ba Đình theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/399106/HĐTD ngày 28/10/2020 nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn cấp hạn mức đến hết 31/08/2021. Hạn mức cấp tín dụng là 50 tỷ đồng. Lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo cho các khoản theo Hợp đồng Tài sản đảm bảo với Ngân hàng TMCP BIDV - chi nhánh Ba Đình.

(2) Phải trả Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam (DATC) theo các khoản nợ vay, nợ phải trả mà Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam (DATC) đã mua lại. Cuối năm 2020 số tiền nợ gốc là 177.929.292.192 đồng, số tiền lãi là 194.968.154.302 đồng. Cụ thể số dư nợ theo các Hợp đồng mua bán nợ sau:

- Hợp đồng mua bán nợ số 33/2013-HĐMBN ngày 28/06/2013 giữa NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh với Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (tên mới là Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam). Mua bán lại số nợ của Công ty CP Lilama 3 với NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh với số nợ gốc là 208.298.749.263 đồng, tiền lãi và phạt chậm trả là 52.992.855.579 đồng. Tài sản đảm bảo của khoản nợ là Các máy móc thiết bị vận tải, sản phẩm CYNCROLIIFT và toàn bộ máy móc thiết bị nhà xưởng hình thành từ dự án "Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu".

- Hợp đồng mua bán nợ số 35/2013-HĐMBN ngày 04/07/2013 giữa NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Hùng Vương với Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (tên mới là Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam). Mua bán lại số nợ của Công ty CP Lilama 3 với NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Hùng Vương với số nợ gốc là 6.395.342.929 đồng, tiền lãi và phạt chậm trả là 2.795.112.384 đồng. Tài sản đảm bảo của khoản nợ là toàn bộ kết cấu thép cầu Suối Mương Toa thuộc dự án thủy điện Nậm Toáng.

- Hợp đồng mua bán nợ và chuyển nhượng cổ phần số 18/2016-HĐMBN-CP ngày 30/03/2016 giữa Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV với Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam. Mua bán lại số công nợ phải trả của Công ty CP Lilama 3 với Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV với số nợ gốc là 53.391.000.000 đồng, tiền lãi phải trả là 23.906.350.625 đồng. Cùng với đó là 2.563.600 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/Cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.17 Vốn chủ sở hữu**5.17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc VCSH		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
01/01/2019	51.500.000.000	14.250.000.000	7.173.239.116	234.189.233	(359.694.595.446)	(286.537.167.097)	-	-	-	-	
- Tăng vốn trong năm trước - Lãi/(lỗ) trong năm trước					(38.390.115.195)	(38.390.115.195)					
31/12/2019	51.500.000.000	14.250.000.000	7.173.239.116	234.189.233	(398.084.710.641)	(324.927.282.292)					
01/01/2020	51.500.000.000	14.250.000.000	7.173.239.116	234.189.233	(398.084.710.641)	(324.927.282.292)					
- Tăng vốn trong năm nay - Lãi/(lỗ) trong năm nay					(144.218.276.933)	(144.218.276.933)					
31/12/2020	51.500.000.000	14.250.000.000	7.173.239.116	234.189.233	(542.302.987.574)	(469.145.559.225)					

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam (DATC)	25.630.000.000	25.630.000.000
- Vốn góp của cổ đông khác	25.870.000.000	25.870.000.000
Cộng	51.500.000.000	51.500.000.000

5.17.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm CP	Số đầu năm CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.150.000	5.150.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.150.000	5.150.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.150.000	5.150.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.150.000	5.150.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.150.000	5.150.000
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
a. Doanh thu	73.400.705.123	110.105.258.555
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	73.400.705.123	110.105.258.555
Cộng	73.400.705.123	110.105.258.555

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	73.323.459.706	106.528.599.269
Cộng	73.323.459.706	106.528.599.269

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.583.583	2.938.170
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1.209.958.852
Cộng	1.583.583	1.212.897.022

6.4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí lãi vay	17.772.661.417	21.239.262.825
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	259.739.766	4.742.460.993
Cộng	18.032.401.183	25.981.723.818

6.5. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Bán phế liệu	741.296.000	1.056.303.645
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	250.681.818
- Các khoản khác	25.817.109	6.990.487
Cộng	767.113.109	1.313.975.950

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

6.6. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý TSCĐ	116.260.766.532	-
- Các khoản bị phạt	2.904.206.212	2.918.135.511
- Bán vật tư	324.452.733	1.898.346.785
- Các khoản chi phí khác	5.000.000	22.000.257
Cộng	119.494.425.477	4.838.482.553

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên vật liệu	21.295.072.372	35.879.984.146
- Chi phí nhân công	23.252.623.598	32.694.577.371
- Khấu hao tài sản cố định	4.401.872.439	7.857.767.292
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.622.092.531	21.507.686.669
- Chi phí bằng tiền khác	1.496.544.416	12.434.470.162
Cộng	68.068.205.356	110.374.485.640

6.8 Công cụ tài chính**Quản lí rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	223.624.766	75.121.027
Phải thu khách hàng và phải thu khác	129.392.315.783	127.039.893.432
Đầu tư dài hạn	1.213.254.766	1.472.994.532
Cộng	130.829.195.315	128.588.008.991
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	407.077.822.487	480.268.664.612
Phải trả người bán và phải trả khác	102.936.780.186	114.349.613.431
Chi phí phải trả	15.257.122.811	10.382.195.843
Cộng	525.271.725.484	605.000.473.886
Trạng thái ròng	(394.442.530.169)	(476.412.464.895)

Tại ngày 31/12/2020 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1-5 năm</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
Số cuối năm			
Vay và nợ thuê tài chính	407.077.822.487	-	407.077.822.487
Phải trả người bán và phải trả khác	102.936.780.186	-	102.936.780.186
Chi phí phải trả	15.257.122.811	-	15.257.122.811
Cộng	<u>525.271.725.484</u>	-	<u>525.271.725.484</u>
Số đầu năm			
Vay và nợ thuê tài chính	480.268.664.612	-	480.268.664.612
Phải trả người bán và phải trả khác	114.349.613.431	-	114.349.613.431
Chi phí phải trả	10.382.195.843	-	10.382.195.843
Cộng	<u>605.000.473.886</u>	-	<u>605.000.473.886</u>

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1-5 năm</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	223.624.766	-	223.624.766
Phải thu khách hàng và phải thu khác	129.392.315.783	-	129.392.315.783
Đầu tư dài hạn	-	1.213.254.766	1.213.254.766
Cộng	<u>129.615.940.549</u>	<u>1.213.254.766</u>	<u>130.829.195.315</u>
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	75.121.027	-	75.121.027
Phải thu khách hàng và phải thu khác	127.039.893.432	-	127.039.893.432
Đầu tư dài hạn	-	1.472.994.532	1.472.994.532
Cộng	<u>127.115.014.459</u>	<u>1.472.994.532</u>	<u>128.588.008.991</u>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

6.9 Báo cáo bộ phận

Hiện tại hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh chế tạo, lắp đặt thiết bị cũng như chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

7 Thông tin khác**7.1 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của ban Tổng Giám đốc, HĐQT	884.777.149	855.743.781
Tiền lương, thưởng, phụ cấp HĐQT, Ban TGD	884.777.149	855.743.781

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam	Cổ đông lớn	Lãi vay phải trả Thanh toán nợ gốc	14.915.754.410 90.155.800.000
Công ty TNHH Lilama 3 Dai Nippon Toryo	Công ty con	Lãi vay phải trả	134.575.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả) (VND)
Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam	Cổ đông lớn	Vay	(372.897.446.494)
Công ty TNHH Lilama 3 Dai Nippon Toryo	Công ty con	Vay	(1.450.000.000)
		Phải trả người bán	(1.772.121.146)
		Phải thu khác	3.192.000
Công ty Cổ Phần LILAMA3.3	Công ty con	Phải thu khách hàng	2.039.558.840
Công ty cổ phần Xây Dựng số 8 Thăng Long	Công ty con	Phải thu khách hàng	4.110.000.000
Công ty Cổ Phần LILAMA3.4	Công ty con	Phải trả người bán	(1.780.352.518)
		Phải thu khác	193.448.671

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

7.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt.

7.4 Thông tin về hoạt động liên tục

Đến thời điểm 31/12/2020 khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính của Công ty là (542.302.987.574) đồng, nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn với số tiền là 479.901.370.974 đồng. Các chỉ tiêu nêu trên cho thấy Công ty đang gặp rất nhiều khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn trả trong điều kiện hoạt động bình thường. Ban Tổng Giám đốc đã có kế hoạch mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các công trình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021 sẽ khả quan, do đó theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính riêng năm 2020 của Công ty vẫn được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục.



Nguyễn Tiên Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Đức Thịnh
Kế toán trưởng

Người lập